

Số: 213/QĐ-XSKT

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá trị thực tế vốn doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Sao Mai

CHỦ TỊCH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính Phủ về việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-UBND-HC ngày 27/09/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đồng Tháp được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 25/09/2025;

Căn cứ công văn số 123/UBND-KTN ngày 15/4/2025 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp về việc giao Chủ tịch Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sao Mai theo văn bản số 868/STC-DN ngày 29/3/2025 của Sở Tài chính Tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề xuất chủ trương tiếp tục thoái vốn Công ty Cổ phần Sao Mai của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đồng Tháp;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 382/2025/300625.1 do Công ty Cổ phần Tư vấn và Định giá Value cấp ngày 25/10/2025 về việc thẩm định giá xác định giá trị vốn doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Sao Mai tại thời điểm 30/6/2025;

Căn cứ công văn số 1706/CV-XSKT ngày 26/11/2025 gửi Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt giá trị thực tế vốn doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Sao Mai;

Căn cứ công văn số 5286/STC-DN&KTTT ngày 17/12/2025 của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thoái vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đồng Tháp tại Công ty Cổ phần Sao Mai;

Căn cứ công văn số 17/UBND-KT ngày 06/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sao Mai của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đồng Tháp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị thực tế vốn doanh nghiệp Công ty Cổ phần Sao Mai thời điểm 30/6/2025 như sau:

1. Tổng giá trị tài sản theo sổ sách: 31.948.378.389 đồng
2. Tổng giá trị tài sản sau đánh giá lại: 73.070.237.100 đồng
3. Tổng nợ phải trả theo sổ sách: 22.626.281.662 đồng
4. Tổng nợ phải trả sau đánh giá lại: 22.626.281.662 đồng
5. Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu theo sổ sách: 9.322.096.727 đồng
6. Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu sau đánh giá lại: 50.443.955.438 đồng.

(Kèm phụ lục Kết quả xác định giá trị thực tế vốn doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Sao Mai)

Điều 2. Giao Ban Chỉ đạo thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sao Mai và các bộ phận chuyên môn thuộc Công ty TNHH Một thành viên xổ số kiến thiết Đồng Tháp căn cứ Quyết định chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, phối hợp Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt – chi nhánh Hồ Chí Minh tiến hành thực hiện việc thoái vốn Công ty Cổ phần Sao Mai theo đúng trình tự, thủ tục, quy trình, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban Chỉ đạo thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sao Mai; các bộ phận chuyên môn thuộc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Đồng Tháp; Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - chi nhánh Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài chính Tỉnh (để báo cáo);
- Đảng ủy Công ty;
- Kiểm soát viên (để báo cáo);
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, TC-KT (Tuyền).



Lưu Hoàng Tân

**PHỤ LỤC: Kết quả xác định giá trị thực tế vốn doanh nghiệp của
Công ty Cổ phần Sao Mai**

(Theo Chứng thư thẩm định giá số 382/2025/300625.1 do Công ty Cổ phần Tư vấn và Định giá Value cấp ngày 25/10/2025 về việc thẩm định giá xác định giá trị vốn doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Sao Mai tại thời điểm 30/6/2025)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị ghi nhận sổ sách	Giá trị đánh giá lại theo Chứng thư thẩm định giá	Chênh lệch
A.	Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 1)	25.908.168.701	25.908.169.558	857
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.355.520.722	19.355.521.579	857
1.	Tiền	10.064.011.811	10.064.012.668	857
2.	Các khoản tương đương tiền	9.291.508.911	9.291.508.911	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.774.847.424	1.774.847.424	-
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.412.097.266	1.412.097.266	-
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.458.960	13.458.960	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	349.291.198	349.291.198	-
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-
IV.	Hàng tồn kho	3.666.434.600	3.666.434.600	-
1.	Hàng tồn kho	3.666.434.600	3.666.434.600	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	1.111.365.955	1.111.365.955	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.111.365.955	1.111.365.955	-



STT	Chỉ tiêu	Giá trị ghi nhận sổ sách	Giá trị đánh giá lại theo Chứng thư thẩm định giá	Chênh lệch
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	-	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
B.	Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 26)	6.040.209.688	45.821.881.455	39.781.671.767
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
II.	Tài sản cố định	5.896.808.555	45.678.480.322	39.781.671.767
1.	TSCĐ hữu hình	5.896.808.555	36.370.876.322	30.474.067.767
-	- Nguyên giá	46.828.092.097		
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(40.931.283.542)		
2.	TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
-	- Nguyên giá	-	-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-	-
3.	TSCĐ vô hình	-	9.307.604.000	9.307.604.000
-	- Nguyên giá			
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
III.	Bất động sản đầu tư	-	-	-
-	- Nguyên giá	-	-	-
-	- giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
V.	Các khoản đầu tư tài	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Giá trị ghi nhận sổ sách	Giá trị đánh giá lại theo Chứng thư thẩm định giá	Chênh lệch
	chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn(*)			-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	143.401.133	143.401.133	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	143.401.133	143.401.133	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
VII.	Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	1.340.186.087	1.340.186.087
C	Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	31.948.378.389	73.070.237.100	41.121.858.711
D	Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	22.626.281.662	22.626.281.662	
E	Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	9.322.096.727	50.443.955.438	41.121.858.711

